TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2019/QĐST-KDTM	*K....., ngày 16 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà Nguyễn Thị Duyến

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 02/2019/TLST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định mở phiên họp số 181/2019/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2019.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S (SBANK); địa chỉ trụ sở: Số 2C Ph, phường Ng, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (SBANK): Ông Phạm Diệu H - Chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch T -Chi nhánh Hải Phòng - Ngân hàng TMCP S là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 642/GUQ-SGB ngày 17 tháng 10 năm 2018 và Giấy ủy quyền số 184/GUQ-SGB ngày 25 tháng 12 năm 2018).

Ông Bùi Đức B và bà Nguyễn Thị A; Cùng địa chỉ: Tổ 2, Cụm 1, Đ, phường V, quận K, Hải Phòng.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai, biên bản hòa giải thành ngày 19-02-2019 và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu là Ngân hàng Thương mại cổ phần S (SBANK), ông Bùi Đức B (ông B) và bà Nguyễn Thị A (bà A) đều đã thống nhất và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung có tranh chấp, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ Hợp đồng tín dụng và quá trình phát sinh dư nợ:

a. Về quan hệ tín dụng: Thống nhất về các nội dung đã được ký kết theo Hợp đồng tín dụng số 41.2/2016/HĐTD-NH-CT ngày 03/6/2016, Giấy nhận nợ số 01-41.2/2016 ngày 03/6/2016, nội dung cụ thể của Hợp đồng như sau: Số tiền vay 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay: 12% năm, mức lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn đang có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh; kế hoạch trả nợ: Trả lãi hàng tháng và trả gốc cuối kỳ.

b. Quá trình thực hiện Hợp đồng và phát sinh dư nợ: Các bên đều thống nhất tính đến ngày 19-02-2019 tổng dư nợ của Hợp đồng là 700.220.231 đồng. Trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 41.638.315 đồng, nợ lãi trong hạn trong thời gian quá hạn là 104.333.333 đồng, nợ lãi quá hạn là 52.166.667 đồng và phí chậm trả lãi là 2.081.916 đồng.

2. Hợp đồng thế chấp tài sản và phương thức xử lý tài sản thế chấp.

a. Thống nhất về Hợp đồng thế chấp tài sản: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 75.2/HĐBĐ-2013, số công chứng 2005/TC-ĐNV, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 05/7/2013; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản lần 1 số 01-75.2/2013/VBSĐ ngày 08/7/2016, số công chứng 1615/SĐTC-TL, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản lần 2 số 02-75.2/2013/VBSĐ ngày 03/6/2016, số công chứng 1285/SĐTC-ĐNV, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD, thì tài sản thế chấp là: Giá trị quyền sử dụng diện tích đất 99,83m^2 và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất 140-04, tờ bản đồ số VĐ-18 (303591-8-(d) thuộc Tổ dân phố 4, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG257127, vào Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00123/VĐ do UBND quận Kiến An cấp ngày 01/7/2011 cho chủ sử dụng là ông Bùi Đức B cùng vợ là bà Nguyễn Thị A (Hợp đồng thế chấp tài sản cũng như các Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng đều đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật).

b. Thống nhất về phương thức xử lý tài sản thế chấp: Ông B và bà A đồng ý bàn giao cho SBANK toàn bộ khối tài sản đã thế chấp để SBANK có toàn quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản, thu hồi nợ vay. Đồng thời ông B và bà A nhận chịu mọi chi phí phát sinh từ việc phát mại tài sản. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản vẫn không đủ để thanh toán nợ vay thì ông Bắc, bà Ánh sẽ có trách nhiệm tiếp tục thanh toán nợ cho SBANK đến khi tất toán xong các khoản nợ theo Hợp đồng. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản còn thừa so với số nợ vay thì SBANK sẽ trả lại cho ông B, bà Á.

Ngày 19-02-2019, SBANK, ông B, bà Á đều có Đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo nội dung các bên đã thỏa thuận được tại biên bản hòa giải thành ngày 19-02-2019 tại Trung tâm hòa giải đối thoại

Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Các bên thỏa thuận giao cho SAIGONBANK nộp tạm ứng và chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời các bên đã viết bản tự khai trình bày các nội dung hoàn toàn thống nhất với đơn yêu cầu.

Tại phiên họp: SBANK vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung nêu trên. Ông Bắc và bà Ánh có đơn xin vắng mặt tại phiên họp và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong biên bản hòa giải và đơn yêu cầu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người yêu cầu đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 7 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 40; Điều 369, Điều 370; Điều 416, Điều 417; khoản 1 Điều 418; Điều 419 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại biên bản hòa giải thành ngày 19-02-2019 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng giữa SBANK và ông B, bà Á. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của SBANK nhận nộp toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: SBANK cùng với ông B và bà Á có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án trên cơ sở nội dung các bên đã thỏa thuận được theo biên bản hòa giải thành ngày 19-02-2019 tại Trung tâm hòa giải đối thoại Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng. Đây là yêu cầu về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông B, bà Á cư trú tại địa chỉ tại: Tổ 2, Cụm 1, Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng và tài sản thế chấp cũng ở địa chỉ nêu trên nên đơn yêu cầu của SBANK và ông B, bà Á thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu giải quyết: SBANK và ông B, bà Á đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung tranh chấp theo biên bản hòa giải thành ngày 19-02-2019 tại Trung tâm hòa giải đối thoại Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng. Cùng ngày SBANK và ông B, bà Á có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa

giải thành ngoài Tòa án đối với thỏa thuận nêu trên. Do vậy đơn yêu cầu của SBANK và ông B, bà Á nằm trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày các bên đạt được thỏa thuận hòa giải thành theo quy định tại khoản 1 Điều 418 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hạn giải quyết: Ngày 25-3-2019, Tòa án nhân dân quận K thụ lý đơn yêu cầu; đến ngày 04-4-2019, Tòa án ra Quyết định mở phiên họp. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết việc dân sự theo đúng thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 419 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên họp: SBANK giữ nguyên yêu cầu, ông B, bà Á có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp và giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu. Thẩm phán công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ việc, bởi trước đó họ đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung có tranh chấp trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội.

- Đại diện Viện Kiểm sát căn cứ vào các quy định của pháp luật như đã nêu trên, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại biên bản hòa giải thành ngày 19-02-2019 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng giữa SBANK và ông B, bà Á.

Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

- Về nội dung:

[5] SBANK và ông B, bà Á đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung tranh chấp theo biên bản hòa giải thành ngày 19-02-2019 tại Trung tâm hòa giải đối thoại Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng. Nhận thấy các bên tham gia thỏa thuận hòa giải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đều là những người những có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải. Nội dung thỏa thuận hòa giải thành của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba. Do vậy cần áp dụng Điều 417 của Bộ luật Tố tụng dân sự để chấp nhận yêu cầu của SBANK và ông B, bà Á.

[6] Những người yêu cầu thỏa thuận giao cho SBANK nộp toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần áp dụng khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để chấp nhận đề nghị của SAIGONBANK về việc chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ: Khoản 7 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 40; Điều 369, Điều 370; Điều 416, Điều 417; khoản 1 Điều 418; Điều 419 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án đối với việc dân sự thụ lý số 02/2019/TLST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2019 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Bùi Đức B, bà Nguyễn Thị Á, cụ thể như sau:

- Về quan hệ tín dụng: Theo Hợp đồng tín dụng số 41.2/2016/HĐTD-NH-CT ngày 03 tháng 6 năm 2016, tính đến ngày 19 tháng 02 năm 2019, ông Bùi Đức B và bà Nguyễn Thị Á còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền 700.220.231 (Bảy trăm triệu, hai trăm hai mươi nghìn, hai trăm ba mươi mốt) đồng. Trong đó nợ gốc là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, nợ lãi trong hạn là 41.638.315 (Bốn mươi mốt triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm mười lăm) đồng, nợ lãi trong hạn trong thời gian quá hạn là 104.333.333 (Một trăm linh tư triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn là 52.166.667 (Năm mươi hai triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng và phí chậm trả lãi là 2.081.916 (Hai triệu không trăm tám mươi mốt nghìn, chín trăm mười sáu nghìn) đồng.

Ông Bùi Đức B và bà Nguyễn Thị Á phải tiếp tục thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2019 theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 41.2/2016/HĐTD-NH-CT ngày 03 tháng 6 năm 2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

- Về việc xử lý tài sản bảo đảm: Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là: Giá trị quyền sử dụng diện tích đất 99,83m^2 và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất 140-04, tờ bản đồ số VĐ-18 (303591-8-(d) thuộc Tổ dân phố 4, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG257127, vào Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00123/VĐ do UBND quận Kiến An cấp ngày 01/7/2011 cho chủ sử dụng là ông Bùi Đức B cùng vợ là bà Nguyễn Thị Á (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 75.2/HĐBĐ-2013, số công chứng 2005/TC-ĐNV, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 05/7/2013; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản lần 1 số 01-75.2/2013/VBSĐ ngày 08/7/2016, số công chứng 1615/SĐTC-TL, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản lần 2 số 02-75.2/2013/VBSĐ ngày 03/6/2016, số công chứng 1285/SĐTC-ĐNV, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD. Hợp đồng thế chấp tài sản cũng như các Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng đều đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật).

Đồng thời ông Bắc và bà Ánh nhận chịu mọi chi phí phát sinh từ việc phát mại tài sản. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản vẫn không đủ để thanh toán nợ vay thì ông Bùi Đức B và bà Nguyễn Thị Á sẽ có trách nhiệm tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S đến khi tất toán xong các khoản nợ theo Hợp đồng. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản còn thừa so với số nợ vay thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S sẽ trả lại cho ông Bùi Đức B và bà Nguyễn Thị Á.

Điều 2: Lệ phí giải quyết việc dân sự: Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Bùi Đức B, bà Nguyễn Thị Á mỗi bên phải nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng chấp nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S nhận nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010493 ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Người tham gia thỏa thuận hòa giải;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Duyến